**BÀI 4**

**TIẾT ...: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nắm được kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
|  **HĐ KHỞI ĐỘNG** |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập **b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.**d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một vấn đề đời sống hiện nay mà em quan tâm**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá kết quả- GV dẫn vào bài học mới |  |
| **HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** |
| **HĐ 1: Định hướng** |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khu viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống**d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: G/v chuyển giao n/v:**- Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống**.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**+ H/s: làm việc nhóm đôi hoàn thành PHT số 1.

|  |
| --- |
| Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 102-103), hãy cho biết: |
| Thế nào là viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống của đời sống? |
| Yêu cầu chung của kiểu bài này là gì. |
| Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống, các em cần lưu ý gì?  |
| Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**+ Đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét đánh giá.+ Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện. **Bước 4: Kết luận, nhận định:**+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc nhóm của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần. | **1. ĐỊNH HƯỚNG** 1.1. Văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống rất đa dạng và phong phú, có thể bàn luận về một hiện tượng có thật trong đời sống hằng ngày; có thể nêu lên suy nghĩ của người viết về một vấn đề xã hội đặt ra trong một hoặc một số tác phẩm văn học; có thể nêu suy nghĩ của mình về một tư tưởng, đạo lí,…; Bài này tập trung rèn luyện viết bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống. Yêu cầu chung của kiểu bài này là:- Cần nêu lên được hiện tượng đáng quan tâm trong đời sống.- Trình bày rõ vấn đề và nêu ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về hiện tượng đó.- Nêu được lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc đồng tình.**1.2. Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống, các em cần lưu ý:**- Xác định hiện tượng của đời sống cần bàn luận. Hiện tượng của đời sống rất phong phú, cần lựa chọn vấn đề gần gũi với cuộc sống, có ý nghĩa thiết thực và sâu sắc,…- Trước khi viết cần tìm ý và lập dàn ý theo một trong các cách: đặt câu hỏi, suy luận hoặc so sánh.- Cần nêu được ý kiến (quan điểm) riêng của mình: khẳng định hay phủ định, đồng tình hay phản đối,…- Các lí lẽ và bằng chứng cần nêu cụ thể, phong phú và có sức thuyết phục.**1.3. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**- Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.- Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.**1.4. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**- Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.- Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** |
| Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. |
| Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |

 Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống. \* Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận \* Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. (Giải thích, biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả (hoặc vai trò ý nghĩa), giải pháp) \* Kết bài: Khẳng định lại ý kiến; rút ra giải pháp cho vấn đề. |
| **HĐ 2: Thực hành**  |
| **a. Mục tiêu:** HS nắm vững được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.**d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 1:**-Yêu cầu HS đọc đề bài.- Nhắc lại các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống- Bước chuẩn bị cần những gì?**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận 1:**- HS trình bày.- HS quan sát và tương tác.**Bước 4: Kết luận, nhận định 1:**- GV nhận xét và bổ sung. (chiếu pp) | **2. THỰC HÀNH** ***Đề bài: Suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.*****a. Các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.****Bước 1: Chuẩn bị**- Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin trước khi viết: nội dung chính, kiểu bài viết và phạm vi bằng chứng cần huy động.- Tìm hiểu nghĩa của các từ: háo danh, “bệnh” thành tích.- Đọc sách, báo và tìm những bằng chứng về hiện tượng háo danh, “bệnh” thành tích.- Ghi chép lại những thông tin liên quan đến các hiện tượng nêu ra trong đề, kể cả tranh, ảnh, bảng biểu, sơ đồ,…(nếu có).Xác định yêu cầu để, xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống  |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- HS trình bày những nội dung đã chuẩn bị theo PHT 01. Lập dàn ý theo PHT 02.PHT 01:

|  |  |
| --- | --- |
| **Định hướng** | **Dự kiến** |
|  + Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích? | ………………………… |
| + Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì? | ……………………………………… |
| + Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích? | ……………………………………… |
| + Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích? | ……………………………………… |

**PHT 02:****Tìm lí lẽ và bằng chứng cho bài văn nghị luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Lí lẽ | Bằng chứng |
| 1 | ……. | ……. |
| 2 | ……. | ……. |
| 3 | ……. | ……. |
| 4 |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- Thảo luận nhóm bàn 7 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm.**GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2:**- HS lên bảng trình bày.- HS quan sát và nhận xét, tương tác**Bước 4: Kết luận, nhận định 2:**GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. (chiếu pp) | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý****a. Tìm ý**- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:+ Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?→ Hiện tượng háo danh: là sự ham muốn, thèm khát một cái tên định vị cho mình, trong mối tương quan của cá nhân với cộng đồng.Bệnh “thành tích”: “bệnh” ở đây là thói xấu hoặc khuyết điểm về tư tưởng tạo nên những hành động đáng chê trách hoặc gây hại, “thành tích” là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được, “bệnh thành tích” là tư tưởng thích được khen ngợi, đánh giá cao nên tạo ra những thành tích không có thật hoặc chạy theo thành tích bên ngoài mà không chú trọng đến thực chất và các mặt lợi, hại của nó khi giá trị thực bên trong không được đảm bảo.+ Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?→ Vì thành tích, chạy theo thành tích mà bất chấp điều kiện và nhu cầu thực tế tạo ra những thành tích giả tạo cốt để tạo uy tín cá nhân, để che mắt dư luận hoặc đế nhận sự khen thưởng của cấp trên...+ Có những ví dụ nào tiêu biểu về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?→ Thời phong kiến, ở làng xã phải nộp tiền để mua danh, nói hình tượng rằng “muốn đỏ môi thì phải tốn tiền”. Chẳng hạn như “kỳ mục” là danh vị mà làng nào cũng có,… + Hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích có liên quan với nhau như thế nào?+ Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?→ Rất nguy hại, dễ dàng làm tha hóa một bộ phận trong xã hội, vì vậy, nhận diện đúng căn bệnh để phòng ngừa, chữa trị, không để lây lan,...+ Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?→ - Đối với người quản lí và chính sách quản lí:+ Cần xem xét một cách toàn diện mối quan hệ giữa thành tích đạt được với cách thức và quá trình đạt được nó để xác định chính xác thực chất giá trị của thành tích.+ Cần đặt ra những mục tiêu có tính thực tế, những kế hoạch cụ thế đế tạo cơ sở thực tế cho những thành tích sau này.+ Cần quản lí chặt chẽ và điều tra nghiêm túc để loại bỏ những thành tích ảo.- Đối với mỗi cá nhân:+ Cần nâng cao hiểu biết để nhận rõ cái lợi, cái hại, điều cần thiết và những gì không thực sự cần cho sự phát triển chung.**b. Lập dàn ý****-** Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận.- Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự: (Giải thích, biểu hiện, vì sao lại như thế, giải pháp) để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài.- Kết bài: khái quát lại vấn đề; nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 3:**1. Dựa theo dàn ý viết bài.2. Sửa lại bài sau khi đã viết xong.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 3:**- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, viết.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận 3:**- HS trình bày.**Bước 4: Kết luận, nhận định 3:**GV nhận xét và bổ sung kiến thức. (nếu cần) | **Bước 3. Viết bài**Dựa vào dàn ý để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống; trong khi viết, chú ý vận dụng cách huy động bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng.Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:- Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.- Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,…), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.- Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn). |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 4:**- Kiểm tra và sửa lại bài.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 4:**- Học sinh làm việc cá nhân, tìm và sửa lỗi.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận 4:**- HS trình bày các lỗi đã sửa.- HS quan sát và nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định 4:**GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần). | **Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa** -Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần Viết, mục d (trang 32) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa- Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa |
| **PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT*** Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những nội dung ở cột trái và

gợi ý chỉnh sửa ở cột phải

|  |  |
| --- | --- |
| Phương diện kiểm tra | **Câu hỏi kiểm tra** |
| Nội dung | Mở bài: Đã giới thiệu khái quát vấn đề cần bàn luận chưa? Thân bài: Có giải thích, chứng minh, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài- Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục không?- Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết hay chưa?- Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc không? Kết bài: Đã khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận chưa? Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa? |
| Hình thức | - Bài viết đã có đủ ba phần chưa? - Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với vấn đề nghị luận và luận điểm không? Có những ý nào trùng lặp nhau không?- Bài viết có mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả,... không? |
| Đánh giá chung | - Bài viết đáp ứng yèu cầu cần đạt mức độ nào?- Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? |

 |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 5:**- Hs trao đổi và rút ra các kĩ năng cần chú ý khi viết bài.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 5:**- Học sinh làm việc nhóm đôi, ghi kết quả ra phiếu ht..**Bước 3: Báo cáo, thảo luận 5:**- HS trình bày.- HS quan sát và nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định 5:**- GV nhận xét và bổ sung. | **2.2. Rèn luyện kĩ năng nêu bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng**\*Cách thứcBằng chứng là các ví dụ cụ thể (con người, sự kiện, số liệu, thơ văn,…) mà người viết dẫn ra để làm sáng tỏ ý kiến và lí lẽ, tạo nên sức thuyết phục cho bài nghị luận. Có hai loại bằng chứng cơ bản: bằng chứng từ đời sống và bằng chứng trong thơ văn.Trong bài văn nghị luận, người viết không chỉ nêu ra bằng chứng mà còn phải phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ cho lí lẽ, ý kiến. Các bằng chứng lấy nguyên văn từ sách vở, thơ văn cần để trong dấu ngoặc kép và ghi rõ nguồn trích. |
| **HĐ LUYỆN TẬP** |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện** |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:** *- Nhận biết hai loại bằng chứng trong hai đoạn văn trong SGK.**- Tìm thêm một bằng chứng từ thực tế đời sống và một bằng chứng trong thơ văn cho đề bài ở mục 2.1. Thực hành viết theo các bước.***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**- Học sinh làm việc cá nhân, trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- HS trình bày.- HS quan sát, tương tác.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần).  | Bài tập- Nhận biết hai loại bằng chứng trong hai đoạn văn sau:+ Đoạn 1: “Trên lĩnh vực kinh tế, thời gian có những vụ án thất thoát hàng ngàn tỉ đồng sau khi bị phanh phui đều thấy có bóng dáng của “bệnh” thành tích, háo danh. Biểu hiện thường thấy của “bệnh” này là đẩy nhanh tiến độ dự án, công trình để chào mừng một sự kiện nào đó. Do đó, người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,…miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cho “cắt băng khánh thành”. Và hậu quả của việc chạy theo thành tích bằng mọi giá là công trình, dự án nhanh chóng xuống cấp, không đảm bảo chất lượng. (tuyengiao.vn, 24-09-2019).+ Đoạn 2: “Háo danh là “căn bệnh” được nhà viết kịch Mô-li-e thể hiện rất sinh động và hài hước trong vở hài kịch Trưởng giả học làm sang. Ở văn bản Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, chỉ vì được đám phó may, thợ phụ gọi là “ông lớn”, “cụ lớn”, “đức ông”,…mà ông đã sung sướng, hả hê: “Cụ lớn, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”. Kết quả là ông đã mất rất nhiều tiền thưởng vì cái “bệnh” háo danh ấy.”.- Tìm thêm một bằng chứng từ thực tế đời sống và một bằng chứng trong thơ văn cho đề bài ở mục 2.1. Thực hành viết theo các bước.**Trả lời:**- Bằng chứng đoạn 1: Người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,…miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cho “cắt băng khánh thành”.- Bằng chứng đoạn 2: Ở văn bản Ông Giuốc-đanh …mà ông đã sung sướng, hả hê: “Cụ lớn, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”.- Bằng chứng từ thực tế đời sống: Phụ huynh muốn con em mình điểm cao mà sẵn sàng đưa tiền bồi dưỡng các thầy cô, thầy cô vì muốn học trò được điểm cao lấy thành tích cho trường mà mua chuộc giám thị. Chúng ta biết rằng kết quả thi cử của học sinh sẽ là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên và nhà trường. Từ đó nếu có một kết quả thi tốt của học sinh, thầy cô sẽ được khen thưởng, nâng lương. Và những phụ huynh học sinh cũng có được một bảng điểm đẹp cho con em mình. Ai cũng được lợi. Bên cạnh những phụ huynh thực sự muốn con em mình đi lên bằng chính sức lực của chúng không ít những phụ huynh vẫn đang tìm mọi cách giúp con có một bảng điểm đẹp, với hy vọng con có một tương lai tươi sáng sau này. Điều đó từ sâu xa đều xuất phát từ lòng thương con của cha mẹ. Ai mà không muốn con mình có một tương lai tốt đẹp hơn. Cứ tới mỗi kỳ thi, chúng ta lại bắt gặp những cuộc trò chuyện như “Đã lo chỗ nào chưa?”, “Đã đi thầy/cô này chưa?”. Chính tình thương quá đáng của bậc cha mẹ đã vô tình trở thành công cụ cho bệnh thành tích ngày càng lây lan rộng hơn.- Bằng chứng từ thơ văn: Người xưa có câu “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” đã cho thấy rõ một điều rằng con người ta quan trọng chất lượng chứ không thể lấy cái bề ngoài, cái số lượng để đánh giá giá trị của một vấn đề. Căn bệnh thành tích ngày nay đã đảo lộn mọi giá trị tốt đẹp ấy, đã phá vỡ đi những truyền thống văn hóa của dân tộc. Căn bệnh ấy sẽ khiến những cá nhân tự mãn về bản thân, cho mình luôn giỏi giang nhưng thực chất là không phải. Và ảo tưởng thì thường sẽ không có thật, không thể tồn tại lâu dài. |
| **HĐ VẬN DỤNG** |
| **a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn mà HS viết được.**d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có). | Bài tập: Dựa vào mục Tìm ý và lập dàn ý cho ***Suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.***1. Hãy lập sơ đồ quan hệ giữa các đoạn văn trong phần thân bài.2. Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh. |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

+ Soạn trước bài tiếp theo

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Phần mở đầu | Nêu vấn đề cần bàn luận |  |  |
| Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối. |  |  |
| Phần thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày vấ đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm. |  |  |
| Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm. |  |  |
| Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí |  |  |
| Phần kết bài | Khẳng định lại vấn đề. |  |  |
| Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn để bàn luận. |  |  |
| Trình bày, diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  |
| Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục. |  |  |

**\*Bài viết tham khảo**

          Trong thực tế, ai cũng thích, cũng mong muốn được khen ngợi, được ghi nhận, được thành danh. Có người vì thế mà nỗ lực phấn đấu để biến đổi về chất. Song đáng buồn lại có những người muốn rút ngắn con đường bước đến vinh quang mà tin xổi ở thì, không chăm lo cho thực tế chỉ cố tô vẽ bề ngoài để được khen được thưởng. Đáng buồn hơn, chúng ngày càng phổ biến và trở thành một hiện tượng “háo danh” và mắc bệnh thành tích

          Thực chất, thành tích là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được. Như vậy, thành tích là nhóm để biểu dương, nêu gương những kết quả thực tế tốt đẹp. Điều đó động viên cố gắng của người được nêu gương, thúc đẩy họ tiếp tục cố gắng. Mặt khác thành tích của người này còn là “cú hích” cho người khác cùng “chạy đua” để tiếp tục đi lên. Rõ ràng, thành tích là điều tốt đẹp và nó cũng mang lại những điều tương tự cho cuộc sống.

          Tuy nhiên, khi đặt trước từ “thành tích” một chữ “bệnh” – bệnh thành tích thì vấn đề đã khác. Bởi từ “bệnh” không gợi đến điều gì tốt đẹp. “Bệnh thành tích” là thói a dua, là chỉ chăm lo đến vẻ bề ngoài nhằm được tuyên dương khen thưởng nhưng thực chất bên trong vấn đề không đạt mong muốn. Nói khác đi, bệnh thành tích là tên gọi của sự không phù hợp giữa hình thức và bản chất: hình thức rất hào nhoáng, sáng bóng, lẫy lừng nhưng bản chất thì xuống cấp, gỉ sét, cong vênh.

 Bệnh thành tích đã tồn tại từ lâu trong đời sống xã hội, đục sâu lan rộng vào nhiều ngành nghề, lĩnh vực. Trong giáo dục, bệnh thành tích còn được gọi là bệnh hình thức. Có những trường vì thành tích mà luôn cố gắng tập trung luyện “gà” – luyện học sinh giỏi, tạo mọi điều kiện để các em có thời gian tập trung học môn mình thi nhằm đạt kết quả cao mang vinh dự cho trường. Hay trong mỗi kỳ thi tốt nghiệp, có những trường huy động giáo viên cùng làm với học sinh rồi ném bài cho các em. Trong các cơ quan, công ty, nhà máy, bệnh thành tích nằm ở những bản báo cáo được mài cho nhẵn viết cho đẹp. Trong thực tế người ta không màng đến chất lượng, chỉ chạy theo số lượng để đạt chỉ tiêu. Họ chỉ sung sướng khi nghe đến những con số 100%, 99%. Trong kỳ thi tốt nghiệp THPT những năm trước, trường nào chỉ đạt 95%, 96% là đã lo lắng căng thẳng rồi. Nhưng một hai năm trở lại đây khi công tác kiểm tra, giám sát được thắt chặt hơn, trung bình cả nước chỉ đỗ khoảng 60% – 70%.

 Rõ ràng kết quả xa nhau, nó phản ánh thực tế chất lượng giáo dục trong một thời gian dài bị o bế, làm nhiễu. Rõ ràng, bệnh thành tích sẽ để lại hậu quả vô cùng tai hại. Trước hết, nó khiến mỗi cá nhân tổ chức không hiểu rõ về thực lực của mình, tự mãn về thành tích, không có xu hướng vận động phát triển. Bệnh thành tích do đó tiếp tục “được” duy trì, phát triển. Dần dần nó sẽ ăn sâu, đeo bám vào tư tưởng, lối sống cách thức làm việc của xã hội, làm cho chất lượng thực bị bỏ bê, xuống dốc, chỉ có cái vẻ bề ngoài là hào nhoáng, đẹp đẽ. Nó thực chẳng khác nào một trái bí đỏ bị thối rữa bên trong. Dân gian ta nhắc nhở nhau tốt gỗ hơn tốt nước sơn vì sơn có thể tróc nhưng gỗ không được phép mục, gỗ mục sẽ làm sụp đổ cả một hệ thống quan trọng. Nhưng bệnh thành tích đã làm đảo lộn truyền thống đạo lý ấy và mỗi hệ thống xã hội đang có nguy cơ lung lay, suy sụp vì chất gỗ bên trong đang mối mọt dần.

 Bệnh thành tích gây hại cho mọi ngành nghề, lĩnh vực. Và hậu quả dễ thấy nhất, tai hại nhất thể hiện ở ngành giáo dục. Có những trường lớp, vì thành tích mà cho học sinh lên lớp hàng loạt, bất chấp kết quả thực tế. Hậu quả là hàng trăm học sinh ngồi nhầm lớp, nhầm trường. Có em đã học lớp 7 mà chưa đọc thông viết thạo! Cũng vì thành tích mà các thầy cô “cấy điểm” cho học sinh giỏi ở những môn các em không thi học sinh giỏi, giúp các em tập trung ôn luyện cho thi cử. Và hàng trăm học sinh sa vào tình cảnh đạt giải học sinh giỏi quốc gia nhưng trượt tốt nghiệp, trượt đại học. Hậu quả trực tiếp học sinh là người gánh chịu. Nhưng hậu quả lâu dài là tương lai đất nước phải chấp nhận sự thui chột về đạo đức, tài năng của nhiều thế hệ.

 Bệnh thành tích có căn nguyên sâu xa từ một thói xấu của con người: thói ghen ăn tức ở, “con gà tức nhau tiếng gáy”. Thấy cá nhân, đơn vị khác được nêu gương, cá nhân đơn vị mình cũng muốn được như vậy. Song, thay vì tập trung nâng cao chất lượng họ lại đốt cháy giai đoạn, đánh bóng hình thức để được tuyên dương. Nhưng công bằng mà đánh giá, bệnh cũng có nguyên nhân từ những sai lầm trong công tác quản lý tổ chức của nhiều cấp, ngành: trọng giấy tờ, hình thức, không gần gũi sâu sát thực tế và chỉ tiêu hoá, kế hoạch hóa cao độ mọi vấn đề thi đua. Bởi vậy, các tổ chức, cá nhân chỉ cốt lo sao cho bản báo cáo, cuốn sổ của mình được sạch sẽ đẹp đẽ. Rồi lo sao để chỉ tiêu kế hoạch trên giao ta “trăm phần trăm” hoàn thành.

 Rõ ràng, để xảy ra căn bệnh ấy lỗi thuộc về tất cả chúng ta. Nhận rõ hậu quả của bệnh thành tích, xã hội cần đẩy mạnh công cuộc loại trừ nó. Các nhà lãnh đạo cần kiểm tra, giám sát sát sao hơn hoạt động của các tổ chức cá nhân trực thuộc, đồng thời điều chỉnh hệ thống, cơ chế quản lý tổ chức. Các cơ quan đoàn thể vì tương lai bản thân xóa bỏ bệnh hình thức để đi vào chất lượng thực tế. Chỉ khi nào làm được điều đó, xã hội ta mới thực sự trong sạch và đi lên.